

MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC ĐỌC HIỂU TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

Phạm Hải Yên
Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Tóm tắt: Đọc hiểu là một trong bốn kỹ năng quan trọng trong việc học tiếng Anh. Đọc hiểu tiếng Anh không chỉ là công cụ học ngôn ngữ mà còn là chìa khóa mở ra cánh cửa tri thức và cơ hội trong học tập, công việc và cuộc sống. Bài viết này bàn luận về các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình đọc hiểu tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên năm thứ 3 ở trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh và đưa ra một số giải pháp nhằm cải thiện việc dạy và học tiếng Anh chuyên ngành ở trường.

Từ khóa: Đọc hiểu, kỹ năng đọc hiểu, tiếng Anh chuyên ngành.

SOME FACTORS AFFECT READING ENGLISH FOR SPECIFIC PURPOSES AT VINH UNIVERSITY OF TECHNOLOGY EDUCATION

Pham Hai Yen
Vinh University of Technology Education

Abstract: Reading is one of the most important skills in learning English. In comparison with writing, speaking and listening, reading will be used most often in the students' future work. Reading is not only the important means to get knowledge but also means of further study. This article discusses some factors affecting reading English for specific purposes of the students at Vinh University of Technology Education and offers some recommendations to improve the teaching and learning of English for specific purposes.

Key words: reading comprehension, reading skill, English for specific purposes

Nhận bài: 16/05/2025

Phản biện: 16/06/2025

Duyệt đăng: 20/06/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đọc hiểu là một kỹ năng thiết yếu trong quá trình học tiếng Anh, giúp người học tiếp cận từ vựng, cấu trúc ngôn ngữ và phát triển tư duy phản biện. Đặc biệt, việc đọc tài liệu tiếng Anh chuyên ngành còn hỗ trợ người học cập nhật tri thức toàn cầu, nâng cao hiểu biết đa lĩnh vực – điều ngày càng quan trọng trong thời đại toàn cầu hóa. Khả năng đọc hiểu tốt góp phần cải thiện hiệu quả học tập và công việc thông qua việc tiếp cận tài liệu học thuật, hướng dẫn nghề nghiệp và văn bản chuyên môn. Do đó, đầu tư vào kỹ năng đọc hiểu mang lại lợi ích lâu dài. Tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, sau khi hoàn thành 9 tín chỉ tiếng Anh cơ bản, sinh viên tiếp tục học 2 tín chỉ tiếng Anh chuyên ngành. Tuy nhiên, thực tế cho thấy khả năng đọc hiểu tài liệu chuyên ngành của sinh viên vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, dù đã có nhiều nỗ lực từ cả giảng viên và người học.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Một số khái niệm

2.1.1. Đọc

Đọc là một khái niệm được tiếp cận theo nhiều cách khác nhau tùy theo quan điểm nghiên cứu. Kenneth Goodman xem đọc là một quá trình tâm lý nhằm tái cấu trúc thông điệp tác giả gửi gắm qua ký hiệu đồ họa. Frank Smith lại nhấn mạnh rằng đọc chính là việc hiểu suy nghĩ của tác giả, trong khi Harmer nhấn mạnh đến vai trò của mắt và não

trong quá trình cơ học này. Tựu trung, các định nghĩa đều hướng đến bản chất cốt lõi của việc đọc: đó là quá trình nhận thức, hiểu, so sánh và đánh giá thông tin từ văn bản.

2.1.2. Đọc hiểu

Đọc hiểu đóng vai trò cốt lõi trong việc dạy và học đọc. Nó bao gồm khả năng khai thác thông tin từ văn bản một cách hiệu quả, phụ thuộc vào ba yếu tố chính: văn bản, kiến thức nền của người đọc và các khía cạnh ngữ cảnh. Gallet cho rằng đọc hiểu là quá trình trích xuất thông tin hiệu quả nhất. Richard và Thomas nhấn mạnh đến sự thống nhất giữa ý định của tác giả và sự hiểu của người đọc. Theo Swan, người đọc hiểu giỏi là người có khả năng tiếp thu thông tin chính xác với mức độ hiểu sai thấp. Như Karlin và Kartin đã khẳng định: “Đọc mà không hiểu thì vô nghĩa”.

2.1.3. Phân chia các loại đọc dựa vào mục đích đọc

2.1.3.1. Đọc để tìm thông tin (Scanning)

Đây là kỹ thuật đọc nhanh nhằm tìm kiếm thông tin cụ thể như tên, ngày tháng, số liệu trong văn bản.

2.1.3.2. Đọc lướt để nắm ý chính (Skimming)

Đọc lướt giúp nắm bắt nội dung tổng thể và ý chính của văn bản mà không cần đọc kỹ từng chi tiết.

2.1.3.3. Đọc chuyên sâu (Intensive Reading)

Phương pháp này đòi hỏi đọc kỹ để hiểu sâu sắc về nội dung, từ vựng và cấu trúc ngôn ngữ

trong văn bản.

2.1.3.4. Đọc rộng để mở rộng kiến thức (Extensive Reading)

Đọc rộng giúp người học tiếp xúc với nhiều thể loại văn bản nhằm nâng cao vốn từ và khả năng hiểu khái quát.

2.1.4. Tiếng Anh chuyên ngành

Theo Hutchinson và Waters, tiếng Anh chuyên ngành (TACN) là một đường hướng dựa vào nhu cầu học tập của người học, không gắn với phương pháp hay tài liệu cố định nào. Stevens phân chia TACN thành bốn đặc điểm cố định (liên quan đến nhu cầu học, bối cảnh chuyên môn, ngôn ngữ phù hợp và khác biệt với tiếng Anh cơ bản) và hai đặc điểm biến đổi (giới hạn kỹ năng và linh hoạt về phương pháp giảng dạy).

2.1.4. Các kỹ năng đọc tiếng Anh chuyên ngành

Kenedy và Bolitho nêu ra các kỹ năng cần thiết trong đọc TACN như đọc lướt, kỹ năng tham khảo, liên hệ giữa văn bản và đồ thị, tiên đoán cấu trúc văn bản, và đọc lưu ý hướng dẫn.

2.1.5. Tài liệu đọc TACN

Tài liệu là yếu tố then chốt trong quá trình dạy và học TACN. Việc lựa chọn tài liệu cần dựa trên các tiêu chí như đặc điểm người học, chủ đề, ngôn ngữ, cách trình bày... Một tài liệu tốt nên tạo cơ hội học tập chủ động, phản ánh nhu cầu thực tế, có cấu trúc rõ ràng và sử dụng ngôn ngữ phù hợp. Hutchinson và Waters (1987) nhấn mạnh rằng tài liệu nên cung cấp các kỹ thuật giảng dạy mới,

khuyến khích tư duy và giúp người học vận dụng kiến thức hiệu quả.

2.2. Phân tích dữ liệu

2.2.1. Thái độ của SV về việc học tiếng Anh chuyên ngành

Kết quả khảo sát cho thấy không phải tất cả SV đều thích học TACN và có thái độ tích cực đối với việc học TACN. Thực tế có 87% SV đồng ý hoặc rất đồng ý và 13% không đồng ý trong câu hỏi “Bạn rất thích học TACN?”. Tuy nhiên, hầu hết các SV đồng ý rằng đọc là một kỹ năng quan trọng trong việc học TACN (85.6%) trong khi có 14.3% không đồng ý. Và các SV cũng gần như đồng ý rằng việc đọc TACN rất cần thiết cho nghề nghiệp tương lai của họ (98,7%). Chỉ có 1 SV không đồng ý với câu hỏi này.

2.2.2 Nhận thức của SV về các yếu tố ảnh hưởng đến việc đọc hiểu tiếng Anh chuyên ngành

Bốn câu hỏi được thiết kế để tìm ra nhận thức của SV về khó khăn gặp phải khi đọc TACN. SV được yêu cầu đánh giá theo 4 mức độ (4 - rất khó, 3 - khó, 2 - dễ, 1 - rất dễ). Các câu trả lời được tính toán theo giá trị trung bình, độ lệch chuẩn và phần trăm. Giá trị trung bình được phân chia như sau: 1-1.5 nghĩa là “Rất dễ”; 1.6-2.5: “Dễ”; 2.6-3.5: “Khó” và 2.6- 4.0: “Rất khó”

2.2.2.1. Yếu tố từ vựng

Về từ vựng, SV được yêu cầu chỉ ra những khó khăn trong một số lĩnh vực của từ vựng. Kết quả được thể hiện trong bảng sau.

Thang đánh giá Câu hỏi 4	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Mức độ khó khăn			
			Rất khó	Khó	Dễ	Rất dễ
Hiểu và ghi nhớ các từ chuyên ngành	3.1	0.71	18.1	64.9	15.6	1.4
Đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh	3.0	0.67	22.1	55.8	22.1	0
Tìm nghĩa phù hợp cho các từ nhiều nghĩa	2.8	0.63	7.8	28.6	41.6	22
Đoán nghĩa của từ qua thông tin của chúng	2.2	0.99	13	22	37.7	27.3

Bảng 1. Các khó khăn trong lĩnh vực từ vựng

Theo bảng trên ta thấy có 18,1% SV cho rằng rất khó để hiểu và ghi nhớ những từ chuyên ngành, 64,9% cho là khó. Chỉ 1% cho là rất dễ và phần còn lại nghĩ là dễ.

Câu 4d có giá trị trung bình thấp nhất ($M=2.2$, độ lệch chuẩn 0.99), điều đó cho thấy rằng nghĩa của từ có cùng gốc từ đường như dễ cho SV để đoán ra. Câu 4b có giá trị trung bình cao nhất (3, độ lệch chuẩn 0.67). Điều đó cho thấy SV thấy khó khăn trong việc đoán nghĩa của từ trong ngữ

cảnh. Không SV nào thấy rất dễ trong việc này.

2.2.2.2. Yếu tố ngữ pháp

Theo kết quả nghiên cứu ta thấy giá trị trung bình từ 2.4-2.8, thấp hơn so với từ vựng. Yếu tố 5a có giá trị trung bình thấp nhất ($GTTB=2.4$, Độ lệch chuẩn = 0.62), điều đó cho thấy rằng SV không có khó khăn gì trong việc nhận biết các từ loại như danh từ, động từ, tính từ, ... Yếu tố 5b và 5e có cùng giá trị trung bình là 2.8, cao nhất so với các yếu tố còn lại. 71.4% SV thấy “khó” hoặc

“rất khó” để hiểu và sử dụng thì và dạng động từ trong khi có 67.5% thấy “khó” hoặc “rất khó” để hiểu được mối quan hệ giữa các mệnh đề của câu ghép và câu phức. Yếu tố 5d (*Chỉ ra được mệnh đề chính và mệnh đề phụ trong câu phức*) có giá trị trung bình khá cao, 2.7 với độ lệch chuẩn 0.66, cho thấy rằng yếu tố này được cho là “khó” (64.9%). Chỉ 1.3% cho là “rất dễ”.

2.2.2.3. Lĩnh vực văn bản

Kết quả khảo sát cho thấy tất cả các lĩnh vực đều có giá trị trung bình cao hơn 2.5. Nghĩa là tất cả các SV được hỏi đều thấy khó khăn trong các lĩnh vực văn bản ngoại trừ 6d (*Xác định và nhận biết được các từ nối và các dấu hiệu văn bản*).

Cụ thể hơn, 6e (*Xác định được các ý chính, ý phụ, câu chủ đề trong văn bản*) có giá trị trung bình cao nhất (2.7, độ lệch chuẩn 0.87). 87% SV được hỏi cho là “rất khó” và “khó”. 6d có giá trị trung bình thấp nhất (2.2, độ lệch chuẩn 0.88). Nghĩa là các SV thấy rất dễ để xác định và nhận biết được các từ nối và các dấu hiệu văn bản.

2.2.2.4. Về kỹ năng đọc hiểu

Khảo sát những khó khăn trong lĩnh vực đọc hiểu. Có thể nhìn thấy trong bảng trên, giá trị trung bình nằm trong khoảng từ 2.2 đến 2.9. Các câu trả lời trải từ “rất khó” đến “rất dễ”, ngoại trừ ý 7b không có ai chọn “rất dễ”. Giá trị trung bình cao nhất là của ý 7a (*Đọc lướt để tìm ý chính*), (2.9, độ lệch chuẩn 0.68), với 71.4% người tham

gia trả lời “khó” và “rất khó”. Chỉ 1.3% trả lời “rất dễ”. Theo sau là ý 7b (*Đọc lướt để tìm thông tin chi tiết*) và 7d (*Tóm tắt ý chính của bài đọc*), 7c (*Đoán nghĩa từ mới trong ngữ cảnh*) và 7e (*Dịch sang Tiếng Việt*) có giá trị trung bình gần bằng nhau là 2.8 cho 7b và 7d, 2.7 cho 7c và 7e. Điều này cho thấy rằng số % các SV thấy khó khăn với những lĩnh vực này là khá cao. 7f có giá trị trung bình thấp nhất (2.2, độ lệch chuẩn 0.88). Như vậy, rõ ràng là một con số đáng kể các SV không gặp khó khăn gì trong việc trả lời câu hỏi về bài đọc (63.6% chọn “dễ” và “rất dễ”). Thực tế, các câu hỏi đọc hiểu thường đơn giản để trả lời bởi vì chúng có sẵn ở trong bài đọc.

2.3. Thứ tự các khó khăn về đọc hiểu TACN dựa trên giá trị trung bình

Để sắp xếp theo thứ tự lĩnh vực ngôn ngữ SV cho là khó khăn nhất, người nghiên cứu đã dựa vào giá trị trung bình của các lĩnh vực nghiên cứu và có thể kết luận rằng từ vựng là lĩnh vực khó khăn nhất đối với SV (giá trị trung bình = 2.77) và lĩnh vực văn bản dường như ít khó khăn nhất (giá trị trung bình = 2.58). Trong khi đó ngữ pháp, kỹ năng đọc hiểu và văn bản có giá trị trung bình gần như là bằng nhau.

2.3.1 Nguyên nhân của khó khăn

Câu hỏi 8 điều tra nguồn gốc của các khó khăn trong việc đọc hiểu TACN, liên quan đến tài liệu đọc, giáo viên và người học.

Câu hỏi 8	Đúng	Sai
a. Bài đọc quá dài và nhiều từ mới	64.9	35.1
b. Bài đọc có quá nhiều cấu trúc ngữ pháp	14.3	85.7
c. Giáo viên không dạy bạn đầy đủ cấu trúc ngữ pháp	64.5	45.5
d. Giáo viên yêu cầu quá cao	3.9	96.1
e. Bạn thiếu động lực học	20.8	79.2
f. Bạn thiếu từ vựng chuyên ngành	77.9	22.1
g. Bạn thiếu kiến thức về chủ đề đang đọc	62.3	37.7

Bảng. Ý kiến của SV về nguồn gốc của các khó khăn trong đọc hiểu TACN

2.3.2. Tài liệu đọc

Có thể thấy trong bảng 8, 64.9% SV thấy nguyên nhân chính của khó khăn của họ là các bài đọc quá dài với nhiều từ mới, trong khi chỉ 14.3% (11 trong số 77 SV) cho rằng bài đọc nhiều cấu trúc ngữ pháp. Thực tế thì trong các bài đọc chuyên ngành không có quá nhiều cấu trúc ngữ pháp phức tạp. Hầu hết chúng đều đã được học ở các học phần Tiếng Anh đại cương trong 3 học kì trước khi sang TACN.

2.3.3. Giáo viên

Thực tế thì sự thành công của việc học đọc phụ thuộc phần lớn vào cách giáo viên dạy SV. Vì vậy, nếu sv gặp khó khăn trong quá trình học thì giáo viên cũng phải chịu một phần trách nhiệm.

Như đã thấy ở hình 5, 64.5% SV phản nản rằng giáo viên không dạy đầy đủ các kỹ năng đọc. Thông qua phỏng vấn và các cuộc trò chuyện, SV báo cáo rằng họ không biết làm cách nào để sử dụng các kỹ thuật phù hợp để giải quyết các loại

bài đọc khác nhau. Các em chỉ nhìn vào các từ riêng lẻ, thỉnh thoảng lại bị tắc bởi vì từ mới hoặc cấu trúc mới. Thậm chí các em còn không biết các từ không quan trọng để bỏ qua. Các em nghĩ rằng điều đó không đúng vì các em nên hiểu đầy đủ các chi tiết. Những vấn đề này rõ ràng là đã ngăn cản các em phát triển khả năng đọc.

Thái độ của giáo viên cũng ảnh hưởng đến không khí lớp học. Giáo viên quá nghiêm khắc sẽ làm cho bài học khó hơn. Ở mục 8d, chỉ 3.9% SV phản nản rằng giáo viên quá nghiêm khắc. Hầu hết các em cho rằng giáo viên rất thông cảm với các em.

2.3.4. Người học

Chúng ta có thể thấy ở bảng 5, hầu hết các SV (78%, 60 trong số 77 SV) cho rằng nguyên nhân của các khó khăn là từ vựng của TACN. Các ý kiến này phù hợp với kết quả ở hình 7: SV thấy lĩnh vực từ vựng là khó nhất. Thiếu kiến thức về chủ đề đọc cũng là 1 vấn đề đối với SV trong việc đọc TACN. 62.3% SV cho rằng mình thiếu kiến thức về chủ đề đọc. Chỉ 20.8% SV không hứng thú trong việc đọc TACN. Các SV sẽ là kỹ sư sau khi tốt nghiệp, do vậy các bạn nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng đọc trong nghề nghiệp tương lai. Vì vậy hầu hết các bạn đều có thái độ tích cực và động lực rõ ràng trong việc học TACN.

2.4. Mong muốn của người học về phương pháp giảng dạy

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng 81.8% SV mong muốn giáo viên giải thích và cung cấp nghĩa của từ vựng chuyên ngành xuất hiện trong bài trước khi đọc (9a) và 70.1% muốn được cung cấp thêm bài tập để nhớ từ vựng dễ hơn (9d). Chúng ta đều biết tầm quan trọng của từ vựng, vì vậy SV cần được biết nghĩa của từ. Và vì vậy, SV rất mong giáo viên dạy các từ vựng và thuật ngữ chuyên ngành theo cách mà các em không chỉ biết nghĩa mà còn có thể nhớ được.

75% SV tham gia muốn được cung cấp nhiều hơn kiến thức nền tảng liên quan đến chủ đề mà các em đang đọc (9e) và 59.7% mong muốn được dạy các thủ thuật đọc cho mỗi bài đọc (9c). Ý kiến này phù hợp với ý kiến được nêu lên ở bảng 8 về các nguyên nhân của khó khăn về đọc. Chúng ta cũng có thể thấy ở bảng này, 66.2% SV mong muốn giáo viên giải thích cẩn thận hơn những cấu trúc ngữ pháp không quen thuộc trong bài đọc

(9b). SV cũng cần thiết phải có kiến thức về ngữ pháp tốt để có thể hiểu bài đọc tốt hơn. Và chỉ có 42.7% mong giáo viên kiểm tra từ vựng và dịch thường xuyên hơn.

2.5. Giải pháp

Làm tăng hứng thú và động lực cho SV: nguyên nhân chính ảnh hưởng đến việc đọc hiểu tiếng Anh chuyên ngành (TACN) là thái độ tiêu cực và thiếu hứng thú học tập. Giáo viên cần tăng sự hứng thú cho sinh viên bằng cách chọn bài đọc phù hợp trình độ, sử dụng kỹ thuật dạy học sinh động như tranh ảnh, vật thật, tạo hoạt động nhóm trong khi đọc và đa dạng hóa hình thức đọc để tránh nhàm chán.

Giúp sinh viên trở thành người đọc hiệu quả: Để cải thiện khả năng đọc hiểu, sinh viên cần được hướng dẫn kỹ thuật đọc phù hợp và phát triển thói quen đọc mở rộng nhằm tích lũy vốn từ và kiến thức chuyên ngành.

Dạy SV các kỹ thuật đọc khác nhau: Giáo viên nên hướng dẫn sinh viên các kỹ thuật như đọc lướt, đọc chi tiết, đoán nghĩa từ ngữ cảnh, suy luận, tùy thuộc vào nội dung và mục đích của văn bản.

Khuyến khích SV phát triển thói quen đọc mở rộng: Sinh viên nên được khuyến khích đọc ngoài lớp học để mở rộng vốn từ và kiến thức. Giáo viên cần cung cấp tài liệu phù hợp và giao các bài tập đọc kèm theo như tóm tắt, tìm từ mới, dịch,... để sinh viên thực hành theo nhóm hoặc cá nhân, từ đó phát hiện khó khăn và có biện pháp hỗ trợ phù hợp.

Áp dụng các đường hướng khác nhau khi dạy từ vựng: Từ vựng là rào cản lớn nhất với sinh viên khi đọc TACN. Giáo viên cần sử dụng các kỹ thuật như đoán nghĩa trong ngữ cảnh, sử dụng từ điển, tranh ảnh, trò chơi,... và hướng dẫn sinh viên bỏ qua từ không quan trọng để đọc hiệu quả hơn.

Giao bài tập và kiểm tra bài cũ thường xuyên: Việc giao bài tập đa dạng và kiểm tra thường xuyên giúp tạo thói quen học tập nghiêm túc. Nếu không kiểm tra định kỳ, sinh viên sẽ mất động lực và giảm hiệu quả học tập TACN.

Cải thiện kiến thức chuyên ngành và phương pháp giảng dạy của giáo viên

Cải thiện kiến thức chuyên ngành của giáo viên: Nhiều giáo viên dạy TACN xuất thân từ dạy tiếng Anh cơ bản nên thiếu kiến thức chuyên ngành. Cần tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu, hội thảo, và giao lưu với giảng viên chuyên ngành

để nâng cao kiến thức nền.

Cải thiện phương pháp giảng dạy của giáo viên: Giáo viên cần được hướng dẫn phương pháp giảng dạy hiệu quả cho lớp TACN. Họ nên cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm, thiết kế giáo án phù hợp và sử dụng giáo cụ trực quan để tăng tính hấp dẫn. Ngoài ra, việc dự giờ đồng nghiệp cũng là cách hiệu quả để nâng cao chuyên môn.

III. KẾT LUẬN

Không ai có thể phủ nhận được tầm quan trọng của TACN. Một điều hiển nhiên là cả giáo viên và

SV đều đang đối mặt với các khó khăn khi dạy và học học phần này. Mục đích của nghiên cứu này là phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc đọc TACN của các SV năm thứ 3 ở trường ĐH SPKT Vinh và đưa ra một số giải pháp nhằm cải thiện việc dạy và học.

Kết quả của nghiên cứu đã chỉ ra một cách rõ ràng rằng việc dạy và học TACN ở trường ĐH SPKT Vinh là chưa được thỏa mãn. Có nhiều yếu tố dẫn đến điều này. Dựa vào kết quả nghiên cứu, tác giả cũng đã đưa ra một số giải pháp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Anderson, JC & Urquhart, AH. (1984). *Reading a foreign language*. Essex: Longman group Limited.
- [2] Anderson, RC. (1984). *Handbook of reading research*. New York: Longman.
- [3] Beatrice, S, Mikulecky (1984). *A short course in teaching reading skills*. London. Longman.
- [4] C. C. Ike (2000). "The role of reading in national development," Nigerian Libraries, vol. 34, no. 2.
- [5] Carrel et al (1981) (Ed). *Interactive approaches to second language reading*. Cambridge. Cambridge University Press.
- [6] Douglas, D (2000). *Assessing language for Specific Purpose*. Cambridge. University Press.
- [7] Dudley- Evans, T. & St John, MJ (1997). *Development in English for Specific Purposes*. Cambridge: CUP.
- [8] Evans, T.D & St John, M.J (1997). *Development in English for Specific Purposes: A multi- disciplinary Approach*. Cambridge. Cambridge University Press.
- [9] Frank Smith. (2004). *Understand Reading: A Psycholinguistic Analysis of Reading and Learning to read*. Routledge
- [10] Goodman, K. (1971), "Psycholinguistic universal in the reading process". In P. Pimsleyr and T. Quinn (Ed). *Psychology of Second Language Learning*. Cambridge: CUP.
- [11] Grellet, F. (1981). *Developing Reading Skills. A practical Guide to reading Comprehension Exercises*. Cambridge. CUP
- [12] Harmer, J. (1989). *The practice of English Language Teaching*. Harlow: Longman.